

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TÓM TẮT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	441,759,158,673	328,783,053,184
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	121,702,802,899	9,116,696,773
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	34,980,000,000	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	268,459,438,077	309,342,394,691
4	Hàng tồn kho	8,424,112,422	257,679,611
5	Tài sản ngắn hạn khác	8,192,805,275	10,066,282,109
II	Tài sản dài hạn	1,105,665,171,940	1,352,330,695,024
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	801,536,980,113	1,025,168,989,846
	- Tài sản cố định hữu hình	14,515,383,735	14,409,081,477
	- Tài sản cố định vô hình	3,294,621,114	2,791,666,658
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	783,726,975,264	1,007,968,241,711
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	303,647,188,833	327,017,547,833
5	Tài sản dài hạn khác	481,002,994	144,157,345
III	Tổng tài sản	1,547,424,330,613	1,681,113,748,208
IV	Nợ phải trả	276,494,496,194	437,014,217,833
1	Nợ ngắn hạn	244,507,092,081	270,110,046,088
2	Nợ dài hạn	31,987,404,113	166,904,171,745
V	Vốn chủ sở hữu	1,270,929,834,419	1,244,099,530,375
1	Vốn chủ sở hữu	1,270,895,009,103	1,238,458,249,182
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	199,717,594,267	199,717,594,267
	- Cổ phiếu quỹ	0	(27,069,986,200)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	281,699,842,674	512,722,529,784
	- Lợi nhuận chưa phân phối	389,477,572,162	153,088,111,331
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí	34,825,316	5,641,281,193
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	34,825,316	5,641,281,193
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Tổng nguồn vốn	1,547,424,330,613	1,681,113,748,208

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ này	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	256,680,263,739	565,204,249,465
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	142,038,168,429	142,940,135,372
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114,642,095,310	422,264,114,093
4	Giá vốn hàng bán	35,032,451,662	167,541,339,069
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79,609,643,648	254,722,775,024
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,312,779,678	51,740,100,474
7	Chi phí tài chính	20,638,112,683	38,264,579,785
8	Chi phí bán hàng	468,135,250	1,246,819,511
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,177,554,391	19,033,574,425
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	59,638,621,002	247,917,901,777
11	Thu nhập khác	13,793,308	27,906,955
12	Chi phí khác	13,775,000	13,775,000
13	Lợi nhuận khác	18,308	14,131,955
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59,638,639,310	247,932,033,732
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17,208,884,543	72,809,840,965
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42,429,754,767	175,122,192,767
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,061	4,378
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2009

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phạm Thị Ngọc Diễm

Vũ Văn Sơn